外國人抵台自主健康聲明

BẢN TUYÊN BỐ CÔNG NHÂN NƯỚC NGOÀI QUAY LẠI TAIWAN

部門Bộ phận		重出入境/抵台日期Ngày xuất nhập cảnh/ quay lại Taiwan	
單位Đơn vị			
工號 Mã số CN		姓名Họ tên	

自述旅遊史暨身體狀況 Tự thuật tình trạng sức khỏe bản thân

1. 本人是否有以下症狀：Bản thân đã có những triệu chứng nào sau đây:
□發燒Sốt□咳嗽Ho□鼻塞Tắc mũi、流鼻水Chảy nước mũi□喉嚨痛Đau họng

2. 出國旅遊史Lịch sử đi nước ngoài: 本人前往: Tôi đã đi đến:
□大陸Trung Quốc□香港Hồng công□澳門Ma cao□新加坡Singapore □日本Nhật Bản□韓國Hàn Quốc
□泰國Thái Lan□菲律賓Philippines □印尼indo □越南Việt nam □ (其他地區Nước khác)

自主聲明內容Nội dung tuyên bố

本人近期抵達台灣，為預防武漢肺炎（COVID-19）疫情降低可能傳播風險，保障個人自己、親友及周遭人士的健康，本人聲明於抵台14日內確實做好自主健康管理措施：
Gần đây tôi đã đến Đài Loan, để ngăn chặn sự lây lan của bệnh viêm phổi Vũ Hán (COVID-19) và giảm nguy cơ lây truyền, và để bảo vệ sức khỏe của cá nhân, người thân, bạn bè và những người xung quanh, tôi tuyên bố sẽ thực hiện các biện pháp quản lý sức khỏe tự chủ trong vòng 14 ngày sau khi đến Đài Loan như sau:

一、維持手部清潔，保持經常洗手習慣，原則上可以使用肥皂和清水或酒精性乾洗手液進行手部清潔。另應注意儘量不要用手直接碰觸眼睛、鼻子和嘴巴。手部接觸到呼吸道分泌物時，請用肥皂及清水搓手及徹底洗淨。
Giữ sạch tay và duy trì thói quen rửa tay thường xuyên. Về nguyên tắc, có thể sử dụng xà phòng và nước hoặc chất tẩy rửa khô có cồn để làm sạch tay. Ngoài ra, hãy cẩn thận không chạm vào mắt, mũi và miệng trực tiếp bằng tay. Khi tay tiếp xúc với dịch tiết đường hô hấp, hãy rửa tay bằng xà phòng và nước và rửa kỹ.

二、於自主健康管理期間，每日早/晚各量體溫一次、詳實記錄體溫及活動史。
Trong thời gian quản lý sức khỏe tự chủ, hãy đo nhiệt độ cơ thể mỗi ngày một lần vào buổi sáng / tối và ghi lại chi tiết về nhiệt độ cơ thể và lịch sử hoạt động trong ngày.

三、如沒有出現任何症狀可正常生活，但應儘量避免出入公共場所，外出時請一定嚴格遵守全程佩戴外科口罩。
Nếu không có bất kỳ triệu chứng nào, có thể sinh hoạt bình thường, nhưng bạn nên cố gắng tránh ra vào nơi công cộng. Khi bạn đi ra ngoài, phải tuân thủ nghiêm ngặt đeo khẩu trang y tế.

四、如出現發燒、呼吸道症狀或有身體不適，請確實佩戴外科口罩，儘速就醫。就醫時，並應主動告知醫師接觸史、旅遊史、居住史、工作環境、以及身邊是否有其他人有類似的症狀。
Trong trường hợp sốt, triệu chứng hô hấp hoặc khó chịu về thể chất, vui lòng đeo khẩu trang y tế và đi bác sĩ càng sớm càng tốt. Khi đến phòng khám, bạn nên chủ động thông báo cho bác sĩ về lịch sử liên lạc, lịch sử du lịch, lịch sử sống, môi trường làm việc và liệu có ai khác có triệu chứng tương tự hay không.

五、生病期間應於家中休養，並佩戴外科口罩、避免外出。當口罩沾到口鼻分泌物時，應立即更換並內摺丟進垃圾桶。
Bạn nên nghỉ ngơi tại nhà trong thời gian bị bệnh và đeo khẩu trang y tế, tránh ra ngoài. Khi khẩu trang có tiếp xúc với dịch tiết miệng và mũi, cần thay thế ngay và bỏ vào thùng rác.

六、生病期間，與他人交談時，除戴上外科口罩外，儘可能保持 1 公尺以上距離。
Khi bạn bị bệnh, hãy giữ khoảng cách hoặc càng xa càng tốt khi nói chuyện với người khác, kể cả khi đeo khẩu trang, hãy cách xa người đối diện ít nhất 1 mét.

請詳細閱讀後簽署聲明 Tuyên bố đã đọc nội dung bên trên

聲明人 Người tuyên bố		聲明日期 Ngày viết	

體溫及行程記錄表

BẢNG GHI CHÉP HÀNH TRÌNH VÀ NHIỆT ĐỘ

填表人 Người điền đơn ：

體溫單位℃
Đơnvịnhiệtđộcơthể℃

紀錄期間：從___年___月___日至___年___月___日

Ngày tháng ghi chép : từ năm___ tháng ___ngày đến năm ___tháng ___ngày

天數 Số ngày	日期 Ngày tháng	早上08：00 Sáng 08：00	下午13：00 Chiều 13：00	健康狀況 Tình trạng sức khỏe	活動記錄 或 其他症狀特殊 Ghi chép hoạtđộng Hoặc Cáctriệuchứngđặcbiệt khác
1		度（℃）	度（℃）		
2		度（℃）	度（℃）		
3		度（℃）	度（℃）		
4		度（℃）	度（℃）		
5		度（℃）	度（℃）		
6		度（℃）	度（℃）		
7		度（℃）	度（℃）		
8		度（℃）	度（℃）		
9		度（℃）	度（℃）		
10		度（℃）	度（℃）		
11		度（℃）	度（℃）		
12		度（℃）	度（℃）		
13		度（℃）	度（℃）		
14		度（℃）	度（℃）		

備註：請指定專人，每日上、下午各測量乙次，並完成紀錄留存備查。

Ghi chú : đề nghị chỉ định người chuyên đo nhiệt độ và ghi chép lại vào mỗi ngày buổi sáng và chiều vào bản ghi chép này để lưu giữ cho việc kiểm tra .